

Bản án số: 05/2022/DS-ST
Ngày 25 - 02 - 2022
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Sương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hòa

Ông Mai Tấn Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Quốc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2021/QĐST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2021; Thông báo dời ngày xét xử số: 949/TB-TA ngày 31 tháng 12 năm 2021 và số: 32/TB-TA ngày 24 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn Phước T1, xã Diên Ph, huyện D, Khánh Hòa; có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu Th - sinh năm 1962

Địa chỉ: Tổ dân phố Phú Lộc T4, thị trấn Diên Kh, huyện D, Khánh Hòa; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Văn H, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn Phước T1, xã Diên Ph, huyện D, Khánh Hòa; có mặt.

+ Ông Dương K, sinh năm 1960

Địa chỉ: Tổ dân phố Phú Lộc T4, thị trấn Diên Kh, huyện D, Khánh Hòa; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng: Ông Huỳnh Kim L, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn Bình Kh, xã Diên H, huyện D, Khánh Hòa

Ông L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện nộp ngày 16/12/2020; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào ngày 31/7/2017, bà và ông H có cho ông Dương K, bà Nguyễn Thị Thu Th mượn tổng số tiền có ghi giấy mượn tiền là một tỷ đồng, bà Th nhận tiền mặt tại nhà bà. Sau đó bà Th mới đưa tờ giấy mượn tiền cho bà, có nội dung nợ một tỷ đồng có chữ ký của bà Th, chữ ký ông Dương K, có đóng dấu Doanh nghiệp tư nhân Thanh T. Tuy nhiên khi đi mượn và nhận tiền thì chỉ có một mình bà Th, không có ông K. Việc ông K có sử dụng tiền mượn của bà hay không thì bà không biết. Chữ ký trong giấy mượn tiền có phải là của ông K hay không thì bà không xác định được vì ông K không ký xác nhận trước mặt bà. Bà cho bà Th mượn tiền với tư cách cá nhân không liên quan gì tới công ty Thanh T, không ký hợp đồng gì với công ty, bà nghe bà Th nói mượn tiền để làm ăn buôn bán nên bà cho mượn. Sau đó, vào khoảng tháng 10/2017, bà có cho bà Th mượn thêm số tiền 260.000.000 đồng, không viết giấy tờ. Tổng cộng bà cho bà Th mượn 1.260.000.000 đồng (một tỷ hai trăm sáu mươi triệu đồng). Hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, bắt đầu tính lãi từ tháng 8/2017. Bà Th trả lãi cho bà được 04 tháng (từ tháng 8/2017 - 11/2017), mỗi tháng trả 25.000.000 đồng. Tháng 12/2017 và tháng 01/2018 thì bà Th không trả lãi bằng tiền mặt cho bà mà chỉ giao đồ gỗ là 01 bộ ghế salong 30.000.000 đồng và 01 bàn tủ thờ 20.000.000 đồng. Ngoài ra bà không nhận đồ gỗ gì khác từ nhà bà Th.

Tháng 3/2019, bà Th có đưa cho bà 01 chiếc xe ô tô 04 chỗ trị giá 500.000.000 đồng để cầm trừ nợ gốc đã mượn và sau đó đưa thêm số tiền mặt 700.000.000 đồng; đến tháng 4/2019 bà Th đưa thêm 60.000.000 đồng trả dứt điểm tiền gốc cho bà. Tuy nhiên, bà Th không trả lãi 14 tháng (từ tháng 02/2018 đến tháng 03/2019) đối với tiền gốc đã vay của bà, bà Th tự tính lãi 2%/tháng nên ra số tiền 350.000.000 đồng, vợ chồng bà đồng ý nên vào tháng 4/2019, bà Th viết giấy nợ lãi rồi giao cho bà. Trong giấy nợ lãi, bà Th không ghi ngày nào viết, ngày nào trả nợ đối với số tiền 350.000.000 đồng nhưng nay hai bên thống nhất là ngày viết giấy là vào tháng 4/2019 và khi viết giấy bà Th hứa trả dần số tiền này. Chữ viết và chữ ký trong giấy xác nhận nợ lãi là do bà Th viết, ký ghi rõ họ tên. Trong tờ giấy nhận nợ bà Th ghi cho bà có nội dung là “ba trăm năm mươi triệu chưa trừ tiền hàng tôi giao”, bà Th ghi tiền hàng thì bà không biết là tiền hàng gì, không liên quan gì đến đồ gỗ bà Th đã giao để trừ tiền lãi cho bà. Ý kiến của bà Th là yêu cầu bà trả giá trị số tiền đồ gỗ cho bà Th và trừ tiền lãi của số tiền gốc 500.000.000 đồng mà bà Th cho rằng đã giao cho bà từ tháng 3/2018 để trừ gốc thì bà không đồng ý. Bà không giữ bất kỳ tài sản hay giấy tờ gì của bà Th. Việc bà cho bà Th vay tiền thì chồng bà là ông Lê Văn H có biết và số tiền này là tài sản chung của vợ chồng bà, tuy nhiên chỉ mình bà đứng tên khởi kiện bà Th.

Nay, sau nhiều lần bà đòi nợ nhưng bà Th vẫn chưa trả tiền nợ lãi cho bà nên bà yêu cầu bà Th trả cho bà 350.000.000 đồng tiền lãi, trả một lần, không yêu cầu gì khác.

- Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Thu Th trình bày:

Bà Th xác nhận có mượn nợ vợ chồng bà T (tên gọi khác là T) với tổng số tiền là 1.260.000.000 đồng vào năm 2017 và trả xong số tiền gốc này vào tháng

4/2019. Quá trình mượn số tiền này bà có trả tiền lãi cho bà T được mấy tháng, mỗi tháng 25.000.000 đồng, bà đưa tiền lãi trực tiếp cho bà T nhưng bà không nhớ chính xác là trả được mấy tháng vì mỗi lần trả lãi không ghi giấy tờ. Có tháng bà không có tiền nên bà có giao 01 bộ bàn ăn với mấy cái tủ đứng nhỏ cho bà T để trừ 25.000.000 đồng tiền lãi. Bà không giao tủ thờ và ghế salong như bà T trình bày để trừ hai tháng tiền lãi.

Vì còn nợ 14 tháng tiền lãi chưa trả cho bà T nên vào khoảng tháng 4/2019, bà có viết giấy nợ tiền lãi với số tiền 350.000.000 đồng, bà ký, ghi rõ họ tên rồi cầm lên nhà bà T giao cho chồng bà T là ông H, bà không hẹn thời gian trả nợ chỉ hẹn từ từ trả. Bà tự tính lãi trên số tiền gốc 1.260.000.000 đồng, mỗi tháng lãi 2% nên ra số tiền nợ 350.000.000 đồng.

Nay, bà T yêu cầu bà trả số tiền 350.000.000 đồng thì bà xác nhận có nợ số tiền này. Tuy nhiên, bà có mang lên nhà bà T 01 bộ bàn ăn, 03 tủ nhỏ bằng gỗ để trừ tiền lãi trước tháng 12/2018. Cuối tháng 12/2018 thì bà có mang lên nhà bà T 01 bộ sofa long và tủ thờ, đến tháng 7/2019 bà chở 01 bàn và ghế gỗ, 02 bàn gỗ để bánh và rượu, 01 bàn án thờ, 02 giường và 01 tủ ba buồng, 03 cánh cửa, 10 tủ bếp nhỏ, 20 tấm lưới, 05 tủ đứng nhỏ, kệ bếp, ván cây bà tự cho không tính tiền. Tổng số tiền đồ gỗ trên là khoảng 132.000.000 đồng.

Khi bà giao số đồ gỗ nêu trên và xe ô tô cho bà T thì bà T không ký nhận giấy tờ gì về việc nhận đồ gỗ và nhận xe để trừ tiền lãi 350.000.000 đồng. Đối với số tiền vay và số tiền lãi còn nợ bà T là do mình bà vay, sử dụng, không liên quan gì đến chồng bà hay ai khác, không liên quan gì đến Công ty Thanh T. Trong tờ giấy nợ tiền lãi bà ghi “ba trăm năm mươi triệu, chưa trừ tiền hàng tôi giao”, bà xác định tiền hàng này là tiền đồ gỗ bà đã trình bày ở trên. Bà ghi vào tờ giấy nợ này để xác nhận là chưa trừ đồ gỗ bà giao cho bà T vào số tiền 350.000.000 đồng nhưng không có sự xác nhận của bà T.

Với yêu cầu khởi kiện của bà T thì bà chỉ đồng ý trả 350.000.000 đồng với điều kiện bà T trừ số đồ gỗ 132.000.000 đồng và trừ số tiền lãi đối với chiếc xe ô tô bà đã giao cho bà T vào tháng 3/2018 với giá 500.000.000 đồng cho bà. Số tiền lãi còn lại bao nhiêu thì bà đồng ý trả cho bà T. Tuy nhiên bà không có tiền trả ngay nên bà xin trả dần hàng tháng, có bao nhiêu thì bà sẽ trả bấy nhiêu.

- *Tại bản tự khai và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H trình bày:* Ông là chồng của bà Nguyễn Thị T (vợ ông còn có tên khác là T). Ông có biết việc vay mượn tiền giữa vợ ông với bà Th. Nay ông thống nhất với ý kiến của vợ ông về số tiền yêu cầu bà Th trả và thời gian trả nợ. Ông không giữ giấy tờ hay tài sản gì của bà Th, không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- *Tại bản tự khai và biên bản đối chất người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương K trình bày:* Ông là chồng của bà Th và là chủ Doanh nghiệp Thanh T. Ông không biết gì về việc vay tiền giữa bà Th với bà T và cũng không liên quan gì đến Doanh nghiệp Thanh T nên ông không có yêu cầu gì trong vụ án này. Ông không đồng ý trả tiền cho bà T vì không mượn và không nhận tiền từ bà T, việc nợ nần gì thì bà Th tự giải quyết. Đối với số đồ gỗ như bà Th trình bày và xe ô tô của

ông thì ông xác định là tài sản chung vợ chồng nhưng ông đồng ý cho bà Th bán nên nay ông không có yêu cầu gì đối với tài sản này, đề nghị xét xử vắng mặt ông.

- *Tại bản tự khai người làm chứng Huỳnh Kim L trình bày:* Ông có cùng bà Nguyễn Thị T xuống nhà bà Nguyễn Thị Thu Th lấy đồ gỗ về nhà làm cho bà T nhưng không nhớ năm nào, ông không biết việc lấy đồ gỗ này là vào mục đích gì, để cản trừ nợ hay không thì ông không biết, ông chỉ là người chế biến gỗ theo yêu cầu, ngoài ra không biết gì thêm, ông cam đoan những lời trình bày đúng sự thật và đề nghị không mời ông đến Tòa làm việc vào các lần sau.

- *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bà Nguyễn Thị Thu Th có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T (T) 292.824.000 đồng (hai trăm chín mươi hai triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn đồng), không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần lãi vượt quá quy định pháp luật. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, nguyên đơn chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thời hiệu giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, nguyên đơn khởi kiện với chứng cứ là giấy nhận nợ lãi được bị đơn viết và thống nhất viết vào tháng 04/2019 nên còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương K và người làm chứng ông Huỳnh Kim L tham gia phiên tòa nhưng họ vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ Điều 227 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định pháp luật.

[3]. Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Thu Th trả số tiền nợ lãi 14 tháng là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) có viết giấy tờ nhưng đến nay bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án tờ giấy có nội dung nợ tiền lãi 350.000.000 đồng do bị đơn viết, ký ghi rõ họ tên. Bị đơn thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn, đã trả hết số tiền gốc vào tháng 4/2019 và còn nợ 14 tháng tiền lãi. Vì vậy, đây là giao dịch hợp pháp cần được công nhận.

Hội đồng xét xử xét: Tại các bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận có vay 1.260.000.000 đồng của nguyên đơn từ năm 2017 để buôn bán, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, có viết giấy nợ đối với số tiền 01 tỷ đồng, số tiền 260.000.000 đồng không viết giấy tờ; bị đơn đã trả hết số tiền gốc này vào tháng 4/2019. Số tiền

lãi 14 tháng bị đơn tự tính trên số nợ gốc 1.260.000.000 đồng, mỗi tháng 2% nên ra được số tiền 350.000.000 đồng và bị đơn viết giấy nợ, ký, ghi họ tên rồi giao cho nguyên đơn vào tháng 4/2019 nhưng đến nay vẫn chưa trả cho nguyên đơn. Nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 350.000.000 đồng thì bị đơn xác nhận có nợ nhưng bị đơn không đồng ý trả toàn bộ số tiền mà chỉ đồng ý trả số tiền còn lại sau khi trừ đi 132.000.000 đồng tiền đồ gỗ bị đơn đã giao cho nguyên đơn và trừ đi khoản tiền lãi đối với số tiền gốc 500.000.000 đồng vì bị đơn giao xe cho nguyên đơn vào tháng 3/2018 chứ không phải tháng 3/2019, số tiền còn lại bao nhiêu thì bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn nhưng chưa trả ngay được và xin trả dần hàng tháng.

Các đương sự xác định đã trả hết nợ gốc từ tháng 4/2019 nên tiền lãi của 14 tháng trước khi trả nợ gốc được tính từ tháng 3/2019 lùi về đến tháng 02/2018 là phù hợp. Bị đơn yêu cầu nguyên đơn trừ đi số tiền lãi của 500.000.000 đồng vì bị đơn đã giao xe cho nguyên đơn vào tháng 3/2018 để trừ đi số tiền gốc và trừ đi 132.000.000 đồng tiền đồ gỗ đã giao cho nguyên đơn nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh, không yêu cầu phản tố; nguyên đơn không thừa nhận, người làm chứng không xác định được số đồ gỗ bị đơn giao cho nguyên đơn khi nào, giao với mục đích gì; tại thời điểm trả nợ gốc cuối cùng vào tháng 4/2019 và tờ giấy chốt nợ số tiền lãi 350.000.000 đồng thì bị đơn không cần trừ tiền lãi của giá trị chiếc xe và đồ gỗ đã giao nên HĐXX không có cơ sở để xem xét.

Với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự thì xét quan hệ vay tiền giữa bị đơn và nguyên đơn là có thật. Bị đơn thừa nhận nợ tiền lãi 350.000.000 đồng và viết giấy nợ cho nguyên đơn. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, xâm phạm đến quyền lợi của nguyên đơn nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở cần chấp nhận.

Tuy nhiên, xét về mức lãi suất: Thời điểm nguyên đơn cho bị đơn vay tiền bắt đầu từ năm 2017. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, của hội đồng thẩm phán Tòa án nhân Tối cao ngày 11/01/2019, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, để tính đối với hợp đồng vay tài sản khi có tranh chấp xảy ra. Do đó, áp dụng Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để điều chỉnh lại mức lãi suất cho vay, cụ thể: Các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay (tức 1,66%/tháng). Đối chiếu với mức lãi suất nguyên đơn cho bị đơn vay là 2%/tháng, vượt quá quy định 20%/năm, cần điều chỉnh như sau: $1.260.000.000đ \times 1,66\% \times 14 \text{ tháng} = 292.824.000đ$. Nên buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 292.824.000đ (hai trăm chín mươi hai triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn đồng) là phù hợp.

[4]. Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tổng số tiền phải trả là: $292.824.000đ \times 5\% = 14.641.000đ$ (mười bốn triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn đồng); không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu án phí đối với số tiền không chấp nhận là: $57.176.000đ \times 5\% = 2.859.000đ$ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp là 8.750.000đ, hoàn lại cho nguyên đơn 5.891.000đ (năm triệu tám trăm chín mươi một nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 147; Điều 227; Điều 229; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 429, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Thu Th trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền: 292.824.000 đồng (hai trăm chín mươi hai triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu Th nộp 14.641.000đ (Mười bốn triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 5.891.000 đồng (năm triệu tám trăm chín mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002402 ngày 05/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Diên Khánh - Khánh Hòa.

Quy định: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Chi cục THADS huyện Diên Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã Ký)

Trần Thị Tuyết Sương